

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ XÃ HỘI - BỘ Y TẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc
không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai
hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế và Nghị định số 22/2010/NĐ-CP ngày 09/03/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định các điều kiện lao động có hại và danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức (sau đây gọi tắt là cơ sở lao động) và cá nhân có sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, bao gồm:

a) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang nhân dân (lực lượng quân đội nhân, công an nhân dân), tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác;

- b) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;
- c) Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã;
- d) Các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế có trụ sở đóng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- đ) Các cá nhân, tổ chức khác có sử dụng lao động nữ.

Điều 2. Các điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ

1. Nơi làm việc có áp suất lớn hơn áp suất khí quyển.
2. Nơi làm việc cheo leo nguy hiểm.
3. Ngâm mình thường xuyên dưới nước (từ 04 giờ một ngày trở lên, trên 3 ngày 1 tuần).
4. Nặng nhọc quá sức (mức tiêu hao năng lượng trung bình trên 5 Kcal/phút, nhịp tim trung bình trên 120/phút).
5. Tiếp xúc với nguồn phóng xạ hờ.

Điều 3. Các điều kiện lao động có hại không được sử dụng lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

Ngoài những điều kiện lao động có hại quy định tại Điều 2 Thông tư này, không được sử dụng lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi trong các điều kiện sau:

1. Tiếp xúc với điện từ trường quá giới hạn cho phép;
2. Trực tiếp tiếp xúc với một số hoá chất mà sự tích lũy của nó trong cơ thể dễ gây biến đổi gen hoặc ảnh hưởng xấu đến chuyển hóa tế bào, dễ gây sảy thai, đẻ non, nhiễm trùng nhau thai, khuyết tật bẩm sinh, ảnh hưởng xấu tới nguồn sữa mẹ, viêm nhiễm đường hô hấp;
3. Ngâm mình dưới nước bẩn, dễ bị nhiễm trùng;
4. Nhiệt độ không khí trong nhà xưởng từ 40⁰C trở lên về mùa hè và từ 32⁰C trở lên về mùa đông hoặc chịu ảnh hưởng của bức xạ nhiệt cao;
5. Trong môi trường lao động có độ rung cao hơn tiêu chuẩn cho phép; sử dụng các loại máy, thiết bị có độ rung toàn thân và rung cục bộ cao hơn tiêu chuẩn cho phép;
6. Tư thế làm việc gò bó hoặc thiếu dưỡng khí.

Điều 4. Danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

Danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động có thai

hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cơ sở lao động và cá nhân sử dụng lao động có trách nhiệm:

a) Rà soát lại các công việc lao động nữ đang làm dựa theo các điều kiện lao động có hại, các công việc không được sử dụng lao động nữ quy định tại Thông tư này. Trên cơ sở đó, có kế hoạch sắp xếp, đào tạo lại hoặc chuyển nghề, chuyển công việc phù hợp với sức khỏe của lao động nữ;

b) Không để lao động nữ làm việc trong các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ chậm nhất 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, nhưng không được lạm dụng để sa thải hoặc cho lao động nữ thôi việc. Riêng phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì phải thực hiện ngay kể từ ngày Thông tư có hiệu lực; báo cáo kết quả triển khai về Sở lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Y tế địa phương.

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Thông tư này định kỳ 6 tháng và hàng năm cùng với việc sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động tại cơ sở.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Y tế, Liên đoàn Lao động địa phương thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này tại các cơ sở sử dụng lao động nữ;

b) Tăng cường thanh tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

c) Tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hàng năm về tình hình thực hiện Thông tư này cùng với tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động của các cơ sở đóng trên địa bàn.

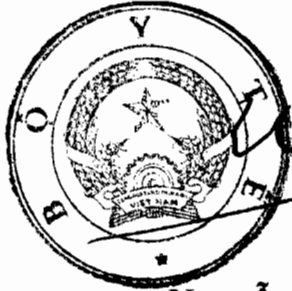
Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2012.

2. Bãi bỏ thông tư Liên bộ số 03/TT-LB ngày 28 tháng 01 năm 1994 của Liên Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội - Y tế về quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG *Nguyễn Việt Tiến*
BỘ Y TẾ *Châu*
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Việt Tiến

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI *Trương*
THỨ TRƯỞNG



Bùi Hồng Lĩnh

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH; Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT của Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế;
- Lưu: VT Bộ LĐTBXH, VT Bộ Y tế, Cục ATLĐ, Cục QLMTYT, Vụ PC - Bộ Y tế.



Phụ lục

DANH MỤC CÔNG VIỆC KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NỮ

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 40/2011/TTLT- BLĐTBXH-BYT

Ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế)

I. ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ LAO ĐỘNG NỮ

1. Trực tiếp nấu chảy và rót kim loại nóng chảy ở các lò:
 - 1.1 Lò điện hồ quang từ 0,5 tấn trở lên
 - 1.2 Lò quy bilo (luyện gang)
 - 1.3 Lò bằng (luyện thép)
 - 1.4 Lò cao.
2. Cán kim loại nóng (trừ kim loại màu).
3. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc).
4. Đốt lò luyện cốc.
5. Hàn trong thùng kín, hàn ở vị trí có độ cao trên 10m so với mặt sàn công tác.
6. Đào lò giếng.
7. Đào lò và các công việc trong hầm lò.
8. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn bản mìn.
9. Cậy bẫy đá trên núi.
10. Lắp đặt giàn khoan trên biển.
11. Khoan thăm dò giếng dầu và khí.
12. Làm việc ở giàn khoan trên biển (trừ phục vụ y tế - xã hội).
13. Sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
14. Bảo dưỡng, sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
15. Bảo dưỡng, lắp dựng, sửa chữa cột cao qua sông, cột ăngten.
16. Làm việc trong thùng chìm.
17. Trực tiếp căn chỉnh trong thi công tấm lớn hoặc cấu kiện lớn bằng phương pháp thủ công.
18. Trực tiếp đào giếng, thi công hoàn thiện giếng bằng phương pháp thủ công.
19. Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40 cm bằng phương pháp thủ công.
20. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa)
21. Lái máy thi công hạng nặng có công suất lớn hơn 36 mã lực như: máy xúc, máy gạt ủi, xe bánh xích (trừ các máy có hỗ trợ thủy lực).

22. Các công việc sơn, sửa, xây, trát, vệ sinh, trang trí trên mặt ngoài các công trình cao tầng (từ tầng 3 trở lên hoặc ở độ cao trên 12m so với sàn công tác) không có máy, cầu nâng hoặc giàn giáo kiên cố.
23. Chặt hạ cây lớn đường kính lớn hơn 40 cm; cưa cắt cành, tĩa cành ở độ cao trên 5m bằng phương pháp thủ công.
24. Vận xuất gỗ lớn, xeo bán, bốc xếp gỗ lớn có đường kính lớn hơn 40 cm bằng thủ công.
25. Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.
26. Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác
27. Cưa xẻ thủ công cây gỗ lớn.
28. Khai thác tổ yến (trừ trường hợp khai thác tổ yến trong các nhà nuôi yến); khai thác phân dơi.
29. Các công việc trên tàu đi biển (trừ công việc phục vụ nhà hàng, buồng, bàn, lễ tân trên các tàu du lịch).
30. Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triền đá.
31. Vận hành nồi hơi (trừ việc vận hành tự động, vận hành nồi hơi sử dụng năng lượng là dầu và điện).
32. Lái xe lửa (trừ xe lửa có chế độ vận hành tự động hóa cao, các tàu chạy trong nội đô, tuyến du lịch).
33. Lái cầu nổi.
34. Các công việc đóng vỏ tàu (tàu gỗ, tàu sắt), phải mang vác, gá đặt vật gia công nặng 30 kg trở lên.
35. Khảo sát đường sông ở những vùng có thác ghềnh cao, núi sâu nguy hiểm.
36. Đổ bê tông dưới nước.
37. Thợ lặn.
38. Vận hành tàu hút bùn.
39. Lái ô tô có trọng tải trên 2,5 tấn (trừ các ô tô trọng tải dưới 10 tấn có hệ thống trợ lực).
40. Các công việc phải mang vác từ 30 kg trở lên.
41. Vận hành máy hồ, máy nhuộm các loại, máy văng sấy, máy kiểm bóng, máy phòng co (trừ các máy có chế độ vận hành tự động hóa).
42. Cán ép tấm da lớn, cứng (trừ các máy có chế độ vận hành tự động hóa).
43. Lái máy kéo nông nghiệp 50 mã lực trở lên.
44. Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bẩn, hôi thối.
45. Mổ tử thi, liệm, mai táng người chết (trừ điện táng), bốc mồ mả.

II. ÁP DỤNG CHO LAO ĐỘNG NỮ CÓ THAI HOẶC NUÔI CON DƯỚI 12 THÁNG TUỔI

Ngoài 45 công việc không sử dụng lao động nữ quy định tại phần I của Danh mục này, còn cấm sử dụng lao động nữ đang có thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi các công việc sau đây:

46. Công việc ở các đài phát sóng tần số radiô như đài phát thanh, phát hình và trạm ra đa, trạm vệ tinh viễn thông bị ô nhiễm bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

47. Trực tiếp tiếp xúc với nguồn phóng xạ.

48. Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm: Sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây biến đổi gen và ung thư sau đây:

- + 1,4 butanediol, dimetansunfonat
- + 2 Naphtylamin.
- + 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan.
- + 3 - alfaphenyl - betaaxetyletyl.
- + 4 - amino, 10 - metyl floic axit.
- + 4 aminnobiphenyl
- + 5 Fluoro-uracil .
- + Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crosidolit.
- + Asen (hay thạch tín), canxi asenat.
- + Axety salixylic axit.
- + Asparagin.
- + Benomyl.
- + Benzen.
- + Boric axit.
- + Các loại muối cromat không tan.
- + Cafein.
- + Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với hóa phẩm có pha chì như xăng, sơn, mực in; sản xuất ốc quy, hàn chì).
- + Dimetyl sunfoxid.
- + Direct blue-1.
- + Dioxin
- + Dietystilboestrol
- + Diclorometyl-ete
- + Focmamid.
- + Hydrocortison, Hydrocortison axetat.
- + Iod (kim loại).
- + Kali bromua, kali iodua.
- + Khí dụng vinazol
- + Mercapto - purin.

- + N, N-di (Cloroetyl) 2. Naphtylamin.
- + Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat.
- + Nhựa than đá, phân bay hơi nhựa than đá.
- + Nitơ pentoxyt.
- + Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua.
- + Propyl - thio - uracil.
- + Tetrametyl thiuram disunfua.
- + Trameinnolon axtonid.
- + Thori dioxyt.
- + Theosunfan.
- + Triton WR - 1339.
- + Trypan blue.
- + Ribavirin.
- + Valproic axit.
- + Vincristin sunfat.
- + Vinyl clorua, vinyl clorid.
- + Xyclophotphamit.

49. Trục tiếp tiếp xúc với các hoá chất ảnh hưởng xấu tới thai nhi và sữa mẹ:

- + 1,1 - dicloro - 2,2-di (4-clorophenyl) etan.
- + 1,3 dimetyl - 2,6 dihydroxypurin.
- + 2. sunfamilamidotazol.
- + 4,4 - DDE.
- + Andrin.
- + Antimon.
- + Betaquinin
- + Các hợp chất có chứa lithi.
- + Canxiferol
- + Cloralhydrat
- + Decaclorobiphenyl.
- + Kali penixilin G
- + Quinidin gluconat
- + Stronti (Sr) peroxid
- + Sunfadiazin, sunfatpiridin, sunfatmetazin Natri, sunfanilamid, sunfamerazin, sunfisoaxazol axetyl.
- + Xezi và các muối chứa Xezi (Ce).
- + Xyclosporin

50. Các công việc tiếp xúc với dung môi hữu cơ như: ngâm tấm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nôi đa tụ keo phenon.

51. Các công việc trong sản xuất cao su: phơi liệu, cân đong, sàng sảy hoá chất làm việc trong lò xông mù cao su.

52. Sửa chữa lò, thùng, thép kín đường ống trong sản xuất hoá chất.

53. Làm việc ở lò lên men thuốc lá, thuốc lào, lò sấy điều thuốc lá.

54. Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.
 55. Ngâm tằm da, muối da, bóc dỡ da sống.
 56. Tráng paraffin trong bể rượu.
 57. Sơn, hàn, cạo ri trong hầm men bia, trong các thùng kín.
 58. Vào hộp sữa trong buồng kín.
 59. Công việc với xăng dầu tại các trạm bán lẻ, kiểm nghiệm, trong hang hầm: giao nhận bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng dầu.
 60. Phá vỡ khuôn đúc.
 61. Chế biến lông vũ trong điều kiện hở.
 62. Làm sạch nồi hơi, ống dẫn khí.
 63. Nghiền, phối liệu quặng hoặc làm các công việc trong điều kiện bụi chứa từ 10% dioxyt silic trở lên.
 64. Tuyển khoáng chì.
 65. Cán, kéo, dập sản phẩm chì, mạ chì.
 66. Quay máy ép lọc trong nhà máy.
 67. Vận hành máy nổ từ 10KVA trở lên.
 68. Đứng máy đánh dây, máy phun cước.
 69. Lái máy kéo nông nghiệp (bất kể loại công suất nào).
 70. Lái máy thi công (bất kể loại công suất nào).
 71. Lái ô tô có trọng tải dưới 2,5 tấn (trừ lái xe có trợ lực); lái xe điện động, các phương tiện vận tải tại cơ sở; lái cầu trục tại cơ sở.
 72. Lưu hoá, hình thành, bóc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn, như: thùng, kết nhiên liệu, lốp ô tô...
 73. Mang vác nặng trên 20 kg.
 74. Hàng ngày tiếp xúc với hơi gây mê; các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh (trừ các công việc ở bộ phận gián tiếp); tham gia dập tắt các ổ dịch; làm việc ở khu điều trị bằng tia X, tia coban.
 75. Xúc, sấy, vận chuyển cá thối, hoặc làm trong dây chuyền sản xuất bột cá gia súc.
 76. Xáo đảo xúc bùn ao nuôi cá.
 77. Công việc trực tiếp tiếp xúc với hóa chất thuốc nhuộm trong các nhà máy nhuộm như: thủ kho, phụ kho hóa chất; pha chế hóa chất thuốc nhuộm
 78. Đóng bao xi măng bằng máy 4 vòi bán tự động.
 79. Lắp đặt, sửa chữa trạm VSAT (trạm mặt đất thông tin với ăng ten nhỏ) ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng biên giới và hải đảo.
- Ngoài 79 công việc trên đây, nếu cơ sở lao động còn có công việc mà điều kiện lao động nữ có hại như quy định tại Thông tư này thì cũng không được sử dụng lao động nữ./.